

Tiểu sử **Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888)**

Nguyễn Đình Chiểu sinh vào giờ Dậu, ngày Bính Tuất, 13 tháng 5 năm Nhâm Ngọ, nhằm ngày 1 tháng 7 năm 1822 DL, ở làng Tân-khánh, tỉnh Gia-định, nay nằm trong khu vực thành phố Sài-gòn. Cha là Nguyễn Đình Huy, vốn người Thừa-thiên, nhân vào làm Thơ-lại nơi Văn Hàn-ty của Tả quân Lê Văn Duyệt trong Gia-định thành, mới lấy người thiếp ở đây, tên Trương Thị Thiệt, mà sinh ra ông.

Năm Quý Ty (1833), Tả quân Lê Văn Duyệt mất, Vệ Khôi dấy loạn, Nguyễn Đình Huy trốn về Huế, bị tước chức, trở lại Gia-định đặt Đình Chiểu, được 12 tuổi, về Thừa thiên gởi gắm cho một người bạn để học tập văn chương. Tám năm sau Đình Chiểu trở về quê mẹ. Đến năm Thiệu Trị thứ ba (1843) ông đậu tú tài ở trường Gia-định. Sau đi Huế soạn thi Cử Nhon khoa Kỷ Dậu (1849), được tin mẹ mất ngày rằm tháng 11 năm Giáp Thân, nhằm ngày 10 tháng 12 năm 1848, ông bỏ thi lặn lội về chịu tang. Vì quá thương cảm, khóc nhiều sanh đau mắt nặng, tuy gặp lương y (tên Trung, nguyên là ngự y) nhưng không chữa được, ông phải chịu mù lòa. Nhờ đó ông học được nghề thuốc. Năm sau ông về nhà cư tang và mở trường dạy học.

Năm 1858, giặc Pháp hạ thành Gia-định, Đồ Chiểu chạy về quê vợ ở Cần-giuộc, đến năm 1861, Cần-giuộc thất thủ, ông chạy về Ba-tri. Bị tật nguyên lại gặp lúc có nạn nước mà phải long đong lưu lạc, ông luôn giữ được tấm lòng trong sạch, phẩm cách thanh cao. Ông từ chối lời thỉnh cầu của hương chức trong làng, không cho con trai là Đình Chiêm đi học quốc ngữ. Ông từng nói:

Sự đời thà khuất đôi tròng mắt,

Lòng đạo xin tròn một tấm gương.

Bài "Trung thần, nghĩa sĩ" [DQH2, tr 150] sau đây ca tụng người biết giữ đạo cương thường:

*Làm người trung nghĩa đáng bia son,
Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn.
Cơm áo đến rồi ơn nợ nước,
Râu mày giữ vẹn phận tôi con.
Tinh thần hai chữ phao sương tuyết,
Khí phách ngàn thu rở núi non.
Gẫm chuyện ngựa Hồ, chim Việt cũ,
Lòng đây tường đó mắt như còn.*

Trong bài văn tế dân mộ nghĩa [NTTX, tr 297], truy điệu 27 nghĩa sĩ, ông đọc:

...
Sống làm chi ở lính Mã tà, mót rượu chát, ngậm bánh mì nghĩ càng thêm hổ.
Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh;
Hơn sống mà chịu chữ đầu Tây, ở với ngoại bang thêm khổ.

...
Đau đớn bấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều.
Nào nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế dật dờ trước ngõ.

...
Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen.
Thác mà ung đình miếu để thờ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ.
Sống đánh giặc thác cũng đánh giặc, xin vong hồ theo giúp các cơ binh, nguyện trả thù kia;
Sống nhờ vua thác cũng nhờ vua, lờ dũ đã đành rành, một chữ ăm đủ đền công đó ...

Năm 1861, ông tham gia cuộc khởi nghĩa của ba xứ Cần-giuộc, Tân-an, và Gò-công, làm bài văn đề "tế chiến sĩ trận vong, tế Trương Công Định", bài "Hịch Đánh Tây". Ông giúp Phan Thanh Tông tức Phan Liêm, con Phan Thanh Giản, khởi nghĩa. Khi Phan Liêm tử trận tại Giồng Rạch (Bến Tre), ông có làm mười bài thơ liên hoàn khóc người "vì nước riêng đền nợ núi sông". Năm 1883, Pháp mời ông ra hợp tác, ông từ chối, trả lại ruộng đất, ông không nhận. Để trả lời tên chủ tỉnh Bến Tre báo tin trả lại ruộng đất của ông tại làng Tân-thới

(Gia-định), ông nói: "Nước mắt còn không đòi được thì lấy ruộng làm gì, tôi không nghĩ đến chuyện ấy". Ông tạ thế ngày Ất Hợi, 24 tháng 5 năm Mậu Tý, nhằm ngày 3 tháng 7 năm 1888 tại làng An Đức, quận Ba-tri, tỉnh Bến Tre.

Thơ Lục Vân Tiên và Ngự Tiều Vắn Đắp Nho Y Diễn Ca, dạy về Đông y có thể được soạn trong thời gian ông ở quận Ba-tri, tỉnh Bến Tre. Ngoài lúc ngồi buồn ỏ viết truyện Lục Vân Tiên ra, ông còn làm nhiều bài thơ nôm và mấy thiên văn lục bát trong đó có Dương Từ Hà Mậu. Thực ra, khi sáng tác, vì bị mù loà, ông chỉ ỏ đọc cho người khác ghi lại bằng chữ nôm.

Về truyện Lục Vân Tiên, Dương Quảng Hàm có nhận xét [DQH1, tr 372]: *Lời văn truyện này bình-thường giản-dị, tuy không được điêu-luyện uẩn-súc như văn truyện Kiều và truyện Hoa-tiên, nhưng có vẻ tự-nhiên, có giọng chất-phác, cũng là một áng văn hay trong nền quốc-văn ta.*

Theo Nguyễn Văn Sâm, Lục Vân Tiên là tác phẩm viết ra cho đám đông bình thường, lúc thái bình hay là tác giả nhìn đời với con mắt thái bình, còn các bài văn tế mới là viết vì nỗi lòng tác giả và nhơn dân đang cơn quốc biến. Lòng sôi sục của tác giả nằm ở đây, nỗi ao ước bình dị của ông nằm trong Lục Vân Tiên.

Với Dương Từ Hà Mậu, là một Nho sinh, ông đã kích Đạo Phật, Đạo Trời, ngay trong phần mở đầu [PVH tr 21]:

*Lòng vì học đạo chép ra để đời,
Dị đoan xưa đã bời bời,
Lại thêm đạo Phật, đạo Trời, băng xăng.
Thói đời nhiều việc lãng nhãng,
Mấy ai biếtặng đạo hằng người ta.
Đua nhau kính chuộng đạo tà,
Một câu quả báo muôn nhà đều tin.
Nói rằng Trời Phật sách in,
Tội về địa ngục, phước lên thiên đàng.
Có người về đạo Hòa Lan,
Năm đời giữ thói khoe khoang cầu hồn ...*

Trong bài thơ nôm Thà Đui, tác giả chấp nhận số phận mù lòa của mình một cách chua cay, chê trách kẻ không giữ đạo nhà, thờ kính tổ tiên:

*Thà đui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông cha không thờ.
Thà đui mà khỏi danh nhơ,
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình...*

*Sáng chi nhân nghĩa bỏ đi,
Thảo ngay chẳng biết, lỗi nghi thiên luân.
Thấy rồi muôn việc trong trần,
Xin còn hai chữ tâm thân ở ta.*

Ông soạn bài Chạy Giặc [NTTX tr 296] sau đây vào khoảng tháng 2-1859, khi Gia-định thành thất thủ hoặc vào khoảng tháng 2-1861 khi toàn vùng đất Gia-định về tay giặc Pháp:

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa tay!
Bỏ nhà lũ chó xăng văng chạy,
Mất ổ bầy chim nháo nhác bay.
Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây,
Hỡi trang đẹp loạn rày đâu vắng?
Nỡ để dân đen mắc nạn này!*

Ngoài những thơ nôm, văn tế, hịch, Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu, Ngự Tiều Vắn Đắp Nho Y Diễn Ca,

theo [PVH tr XX], Cụ Đồ Chiểu còn soạn Tứ Thư, Ngũ Kinh, Gia Huấn Ca, Tam Thập Lục Nạn, Huê Hiên Mạch Phú, và Lư Sơn Mạch Phú.

Trong số bảy người con, có hai người hay chữ:

1. Bà Nguyễn Thị Khuê, chủ trương tờ báo phụ nữ đầu tiên Nữ Giới Chung. Bà sớm góa chồng, sương cư thủ tiết, bút tự Sương Nguyệt Anh. Nói về Sương Nguyệt Anh, Nguyễn Văn Sâm có nhận xét: Tờ Nữ Giới Chung bà đứng tên chủ bút cho một ông tây làm chủ nhiệm nên lúc đó, Thế giới Đại chiến 1, bà phải viết bài ca tụng Đại Pháp và kêu gọi dân Nam ta lên đường chống Đức để trả ơn Đại Pháp. Đây là cái nợ mà người cầm bút không cương quyết để bị dính vô. Nữ Giới Chung ra độ 37 số thì đình bản.

2. Ông Nguyễn Đình Chiêm đặt ra những tuồng hát bộ: Nê Mã Độ Khương Vương, Phấn Trang Lầu, và Nam Tống Tinh Trung [NTT tr XVI].

Seattle, tháng 12 năm 1998

Lê Văn Đặng

Tài liệu tham khảo :

- * Dương Quảng Hàm: Việt Nam Văn Học Sử Yếu, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Hà Nội 1951 [DQH1].
- * Dương Quảng Hàm: Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển, Trung Tâm Học Liệu, Sài Gòn 1968 [DQH2].
- * Đồ Chiểu, Dương Từ Hà Mậu do Phan Văn Hùm hiệu đính, Tân Việt, Sài Gòn, Xuân Thu CA, 1990 [PVH].
- * Đồ Chiểu, Lục Vân Tiên do Nguyễn Thanh Tâm chú thích, Tân Việt, Sài Gòn [NTT].
- * Lục Vân Tiên Truyện: Bản nôm Duy Minh Thị, Giáp Tuất Niên San Khắc [DMT].
- * Nguyễn Thị Thanh Xuân: Sài Gòn Gia Định Qua Thơ Văn Xưa [NTTX].